

CÁCH TIẾP CẬN TÂM LÝ PHẬT GIÁO VÌ HOÀ BÌNH BỀN VỮNG

TS. Dipen Barua(*)

TÓM TẮT

Xã hội loài người là một quá trình vận động và khuynh hướng tâm lý của con người đã tạo ra một tác động rất lớn dẫn đến sự xuống cấp của thế giới chúng ta. Mọi người đều mong muốn và thích tận hưởng sự bình yên. Hiện tại, nhiều tổ chức xã hội và các hoạt động xã hội khác đang cố gắng đảm bảo nền hòa bình cho toàn thế giới, nhưng nỗ lực của họ vẫn chưa đủ mạnh để đánh mang lại hòa bình cho xã hội loài người. Tại sao thiết lập hòa bình trong xã hội loài người lại khó như thế? Theo như tôi nghĩ, con người đã trở nên dính mắc vào một phần của ba căn nguyên bất thiện. Chừng nào còn trở thành một phần của ba căn nguyên xấu ấy thì chúng ta không thể tìm thấy sự bình yên trong xã hội loài người. Theo quan điểm của Phật giáo, có thể nói rằng không có con đường cho hòa bình, nhưng hòa bình chính là con đường.

Phật giáo hiểu phương thức khác nhau của các yếu tố tâm lý được kết hợp trong việc phá vỡ mối quan hệ của con người với nhau. Bài kinh *Mahānidāna sutta* (kinh Đại Duyên) của Trường Bộ Kinh

*. Centre of Buddhist Studies, The University of Hong Kong.

Người dịch: Thích Chúc Tín

(Dīgha Nikāya - II 55) minh họa các nguyên nhân tâm lý khác nhau dẫn đến tình trạng hỗn loạn. Vào cuối bài thoại, Đức Phật giải thích hàng loạt đau khổ xuất phát từ khuynh hướng tiêu cực của tâm trí. Hơn nữa, theo Phật giáo, các cuộc xung đột và chiến tranh tàn phá luôn bắt nguồn từ những dòng chảy nội tâm cá nhân (*āsava*) hoặc phiền não (*kilesa*) mà chủ yếu là các trạng thái tâm lý.

Ví dụ, *Madhupīṇḍika Sutta* của MN (I 108) cho thấy chúng sinh bị vướng vào những suy nghĩ bất thiện cùng với toàn bộ quá trình tăng nhanh các khái niệm (*papañca*) nên đã gây ra nhiều chương ngại cho cuộc sống của con người. Theo quan điểm của Phật giáo, để thiết lập hòa bình lâu bền cho thế giới nhân sinh, trước hết chúng ta phải hiểu bản chất và nhu cầu tâm lý của con người. Từ quan điểm xã hội học, Phật giáo đưa ra các nguyên tắc đạo đức là đủ tốt, tốt hơn là sự lãnh đạo hoặc người lãnh đạo dựa trên tính cách bởi vì đạo đức của con người sẽ bị hủy hoại do một số tình huống. Nghiên cứu này sẽ ghi nhận làm thế nào để các nguyên tắc đạo đức Phật giáo đủ mạnh để thiết lập nền hòa bình lâu bền cho thế giới con người.

Từ khóa: Phật giáo, Hòa bình, Tâm lý học, Lãnh đạo, Xã hội

GIỚI THIỆU

Phân tích của Phật giáo về hòa bình bền vững khác với cách hiểu hiện đại về hòa bình bền vững. Theo cách nhìn của Phật giáo, khái niệm hòa bình bền vững mang tính chất tâm lý nhiều hơn. Mặt khác, sự hiểu biết hiện đại về hòa bình bền vững là một quá trình năng động vì nó tập trung vào sự đa dạng trong tương tác tương trưng, ngụ ý rằng hòa bình là một sản phẩm tập thể kết hợp một chuỗi các hành vi thay đổi và cân bằng, và đối thoại liên tục giữa các hành động cá nhân và thế giới xã hội. Trong cách này, mặc dù xã hội của chúng ta đang được hưởng lợi, tại sao hành động thiết lập hòa bình bền vững vẫn còn yếu kém. Tại thời điểm này, để nắm bắt hòa bình bền vững, điều quan trọng là phải thấu hiểu sự xung đột một cách trọn vẹn. Trong kinh điển Pāli như *Sakkapañha Sutta* của DN, xung đột được hiểu là sự đối nghịch của hòa bình, đó là sự ràng buộc của ghen tị và tính tham lam (*issā-mcchariya-saññōjanā*)

khiến mọi người sống trong căm ghét, gây tổn thương cho nhau, thù địch và thù hận (*saverā sadandā sasapattā sabyāpajjā viharanti* (DN II 276)). Mặt khác, hòa bình được hiểu là sự đối nghịch của xung đột, đó là sự thiếu vắng sự ghen tị và sự thờ ơ khiến mọi người sống không thù ghét, không làm hại, không thù địch và thù hận lẫn nhau (DN II 277). Trong mối tương quan này, *Madhupindika Sutta* của DN được nhắc đến là để chứng minh những chúng sinh không có duyên với giáo lý của Đức Phật, do đó, họ bị vướng vào những suy nghĩ bất thiện như sự ghen tị và tham lam trong toàn bộ quá trình phát triển khái niệm (*papañca*), được kết nối với quá trình nhận thức giác quan, trong khi tất cả các xung đột và sự thù địch tự hủy hoại trong các xã hội lớn hơn luôn bắt nguồn từ dòng chảy bên trong (*āsava*) hoặc phiền não (*kilesa*) trong tâm của con người. Chủ yếu từ góc độ của phương pháp tâm lý học Phật giáo vì hòa bình bền vững, bài viết này thảo luận cách hiểu của Phật giáo về xung đột và hòa bình khác với nền tảng hiện đại như thế nào. Bài viết này đề xuất làm thế nào các nguyên tắc và thực hành Phật giáo khác nhau, tập trung vào gốc rễ tâm lý, có thể được áp dụng và mở rộng để phát triển tự thân theo phạm trù rộng hơn của hòa bình bền vững theo cách thực tế, không đảng phái và thái độ ôn hòa.

2. HIỂU BIẾT HIỆN ĐẠI VỀ HOÀ BÌNH

Trong bối cảnh rộng lớn hơn, phạm vi chính để xây dựng hòa bình là phản ánh sự ổn định chung giữa các nền văn hóa khác nhau. Bởi vì làn sóng toàn cầu hóa chính trị và kinh tế dường như không tạo ra sự hòa hợp xã hội hay liên đoàn hòa bình. Có phê bình rằng hình thức toàn cầu hóa này dựa trên các giá trị của chủ nghĩa tư bản phổ quát, trong khi xung đột phát sinh và thống trị khắp nơi. Nhìn vào bối cảnh này, những người ủng hộ xung đột hiện đại như David Delster (1994) đã phân loại khái niệm xung đột theo bốn nguyên tắc:

(1) Nguyên nhân nền tảng - như các đường lối cơ bản của xung đột ở cấp chính trị, xã hội và kinh tế.

(2) Chiến lược huy động - trong khi vì lợi ích của các nhà lãnh đạo chính trị đang cố gắng thực hiện các chương trình nghị sự chính

của họ.

(3) Kích hoạt - vì các yếu tố khiến các nhà hoạch định chính sách thu hẹp mục tiêu theo cách làm cho cách tiếp cận hòa bình giảm đi và xung đột hành động nhiều hơn.

(4) Chất xúc tác - những yếu tố ảnh hưởng đến sức mạnh và thời gian của cuộc xung đột trong một xã hội.

Bên cạnh đó, trong xã hội hiện đại của chúng ta, các phương tiện truyền thông mạng xã hội góp phần không kém để xảy ra xung đột khác nhau. Nó đã thách thức cách chúng ta suy nghĩ về tương tác cá nhân, tạo ra những cách thức mới để thiết lập các phong trào và doanh nghiệp và cho phép mọi người điều chỉnh mức sử dụng phương tiện thông tin của họ hơn bao giờ hết. Mặc dù mặt tích cực của việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Twitter và Instagram đã giúp chúng tôi tương tác hiệu quả tâm mình với thế giới trực tuyến, việc lạm dụng các trang web mạng xã hội cũng có khả năng tác động tiêu cực đến tương tác xã hội. Giống như cuộc đình công mục tiêu giả mà có thể giết chết hàng trăm người bằng một lần chạm duy nhất với một nút cách hàng ngàn dặm và che mờ đi sự ghê tởm khả năng giết chết một người khác. Phương tiện truyền thông xã hội đã tạo điều kiện dễ dàng hơn để làm những điều chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ đến và thực hiện đối với ai đó: xúc phạm họ hoặc vui thích trong bất hạnh của họ, hoặc nói dối để đạt được một số lợi thế so với họ? Do đó phương tiện truyền thông xã hội như một cái dao hai lưỡi có thể gây tổn hại cho hòa bình giữa mọi người và cùng lúc tạo ra xung đột trong xã hội của chúng ta. Ví dụ, vào tháng 9 năm 2012, một bức ảnh cho thấy một quyển Koran linh thiêng bị cháy đã được gắn thẻ trên trang mạng xã hội Facebook của cậu bé Phật tử Uttam Barua, người được cho là đã xúc phạm đạo Hồi đã gây ra một cơn phẫn nộ dẫn đến sự tàn phá tàn khốc của các ngôi chùa Phật giáo tại Ramu phía đông nam Bangladesh. Hàng ngàn người Hồi giáo cực đoan đã đốt cháy và cướp phá hơn hai mươi ngôi chùa và hơn năm mươi ngôi nhà được coi là cuộc tấn công tồi tệ nhất đối với cộng đồng Phật giáo kể từ khi Bangladesh độc lập vào năm 1971. Thảm kịch đã bị chuyển sang những nơi khác ở quận Chittagong với việc phá hoại cả hai ngôi chùa Phật giáo và Ấn Độ giáo (BBC, 2012).

Persch lập luận rằng Facebook có thể gây ra làn sóng ghen tị và mất lòng tin trong các mối quan hệ của con người (Persch, 2009). Tương tự, nhà triết học biện chứng Herbert Marcuse (1898 - 1979) suy ngẫm rằng công nghệ sẽ đóng vai trò giải phóng con người. Bởi vì được phát triển trong một cấu trúc và văn hóa ý thức hệ nhất định, bản thân công nghệ có thể là một hình thức ý thức hệ áp bức góp phần vào sự thống trị nhiều hơn là tự do. Marcuse đặc biệt xác định văn hóa Mỹ ở thời đại của ông là một trong những thời kỳ thống trị, bạo lực và tiêu dùng như là sự bù đắp cho sự tha hóa như những bánh răng trong bộ máy tư bản (Kurtul, và Mete, 2016).

Luận giải của các học giả nói trên, cộng hưởng mạnh mẽ trong thời đại đương đại của chúng ta, với phương tiện truyền thông xã hội chắc chắn là phương thức xác định của truyền thông công nghệ. Về vấn đề này, Delster có bốn loại hình được Dan Smith áp dụng cho giải quyết xung đột như:

Đặc biệt là hai loại đầu tiên - nguyên nhân cơ bản và các chiến lược huy động - phải được giải quyết trong bất kỳ nỗ lực nào để ngăn chặn leo thang xung đột bạo lực. Loại cuối cùng - chất xúc tác - có thể quan trọng không kém khi xem xét làm thế nào để chấm dứt bạo lực (Smith, 2004).

Tuy nhiên, trong bất kỳ yếu tố tâm lý ở trên, không có yếu tố tâm lý nào được đề cập rằng các xu hướng tinh thần của chúng ta, như tham lam, ghen ghét, ghen tuông, keo kiệt, đóng vai trò quan trọng như thế nào trong việc xảy ra xung đột và sự vắng mặt những xu hướng này mang lại hòa bình bền vững theo cách nào. Theo cách hiểu này, người ta có thể nói phân tích của Phật giáo về xung đột khác với cách hiểu hiện đại về xung đột. Sự hiểu biết hiện đại về xung đột chủ yếu xác định sự đa dạng của các nguyên nhân tiềm ẩn của xung đột vũ trang mà Delster hiểu từ nguyên nhân cơ bản và các chiến lược huy động đến các tác nhân và chất xúc tác. Tại thời điểm này, lập luận của tôi chuyển sang phân tích của Phật giáo về xung đột rằng tâm trí của chúng ta bị ám ảnh ở mức độ nào bởi lòng tham, thù hận và si mê tạo ra xung đột trong chúng ta.

3. CĂN NGUYÊN TÂM LÝ VÀ YẾU TỐ GÓP PHẦN TẠO RA XUNG ĐỘT

Giải thích theo luận điểm Phật giáo về xung đột, chúng tôi đã

xác định sự ghen tị và thờ ơ là yếu tố góp phần cho sự bất an tự gây ảnh hưởng đến sự cân bằng hòa bình trong xã hội. Sự ghen tị và sự thờ ơ này là nguồn gốc của sự tranh chấp nảy sinh trong các yếu tố cá nhân của con người và mối quan hệ giữa các cá nhân. Đối với lý thuyết Phật giáo về sự đồng phát sinh phụ thuộc (*pa-icca-samuppāda*), các điều kiện ghen tị mâu thuẫn, đặc biệt là về các thuộc tính tinh thần. Chúng là trạng thái tinh thần trong đó một cá nhân không hài lòng với những người khác tốt hơn bản thân mình và sự ghen tị là sự oán giận đối với người khác, cần phải loại bỏ. Về vấn đề này chúng tôi hiểu, xung đột trong con mắt Phật giáo chủ yếu là tâm lý và nảy sinh thông qua các hành vi thể chất, lời nói và tinh thần được gọi là ba độc. Trong bài kinh *Mahānidāna* của DN, bản chất của xung đột được thảo luận thông qua lý thuyết đồng phát sinh phụ thuộc như:

Cầm thấy điều kiện tham ái, tìm kiếm điều kiện tham ái, tìm cách sở hữu điều kiện, quyết định sở hữu điều kiện, ham muốn điều kiện ra quyết định, ham muốn và dính chấp vào điều kiện, cầm gậy và kiếm, cãi nhau, xung đột, cãi vã, tranh chấp, lạm dụng, nói dối và nhiều trạng thái không tốt khác (DN II 58 - 59).

Từ đoạn văn trên, người ta hiểu rằng khi mọi người xung đột với nhau, họ cầm vũ khí, họ đánh nhau, cãi nhau, tranh chấp, lăng mạ, vu khống và nói dối. Cuộc xung đột sau đó biến thành bạo lực, trong đó mọi người thể hiện hành vi xấu xa, độc ác, không tử tế, không trung thực, bất chính và vô kỷ luật. Trong sự tương quan này khi xung đột lên đến đỉnh điểm, một cá nhân đầy sự thù hận bị ám ảnh bởi thân thể, lời nói và tâm trí, sau đó anh ta nghĩ rằng “tôi là người mạnh mẽ và tôi muốn quyền lực” (*bal balamamo balattho itipi*) (AN I 201)). Ở đây cần phải hiểu rằng ba cánh cửa - thân thể, lời nói và ý - được khắc sâu và là những gốc rễ bất thiện hỗ trợ lẫn nhau (*akusala-m pola*) của ba chất độc - tham lam (*lobha*), hận thù (*dosa*) và si mê (*moha*) - được đặt bên trong các thiên hướng đam mê và nhận thức của mỗi cá nhân và thúc đẩy họ thực hiện các hành động ý chí bất lợi (*kamma*). Do lòng tham vọng của đế quốc bên ngoài thông qua các mưu đồ bành trướng và đe dọa như tranh giành tài nguyên thiên nhiên và mở rộng sang các khu vực nóng khi chính quyền sở tại còn đang bất ổn. Lật lọng và hủy hoại khi không biết tự lượng sức là phổ biến khi chúng ta thực hiện bất kỳ hành động

nào để đáp ứng mong muốn vật chất không giới hạn của chúng ta. Do lòng thù hận của chúng ta, chúng ta tạo ra và thúc đẩy bạo lực trong phân biệt đối xử. Và do ảo tưởng chúng ta luôn tuân thủ sự hiểu biết thông thường và u mê về cách gìn giữ hòa bình. Do đó, với quan điểm lệch lạc, chúng ta suy nghĩ không đúng đắn với sự chú ý không phù hợp (ayoniso-manasikāra) dẫn đến việc chúng ta dành năng lượng đáng kể trong việc biện minh và hợp lý hóa định kiến cá nhân của chúng ta như là sự thật khách quan của cá nhân ta. Họ coi tất cả các xung đột là phương tiện cần thiết để nâng cao quan điểm giáo điều của chúng ta qua những lời hoa mỹ và quan niệm sai lầm của chúng ta. Do đó, bài diễn văn của Đức Phật được gọi là Kinh Alagaddupama của MN dạy về sự nguy hiểm trong việc bám chặt vào ý thức hệ như:

“Này các Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp như kinh, ứng tụng, giải thuyết, kệ tụng, cảm hứng ngữ, như thị ngữ, bốn sanh, vị tăng hữu pháp, phương quảng. Sau khi học các pháp này họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích muốn thỏa khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp đó” (MN I 134).

Đoạn trên có thể áp dụng cho tất cả các cá nhân có khuynh hướng tiềm ẩn (anusaya) trong tâm thông qua việc tuân theo các quan điểm giáo điều một cách kiên quyết rằng chỉ đơn giản là xem xét mọi thứ, ngoại trừ quan điểm tự giáo của họ, trong số đó tất cả các đối tác giáo điều là thấp kém. Do đó, từ quan điểm của Phật giáo người ta hiểu rằng khi mọi người sống trong xung đột, họ bị sa lầy trong sự hận thù, thù địch, thô lỗ, ghen tuông, keo kiệt, lừa dối, không trung thực, ác ý và quan điểm sai lầm. Về vấn đề này, xung đột về cơ bản là tâm lý do sự tham lam, thù hận và si mê, tức là Tam độc. Do đó, chúng ta phải có những sáng kiến để theo đuổi hòa bình bằng cách áp dụng các nguyên tắc của tình huynh đệ, tôn trọng lẫn nhau và hòa hợp, và bằng cách tưới tắm cho tâm của chúng ta và tăng cường các hoạt động phù hợp.

4. SỰ TỒN TẠI HỖ TRỢ LẤN NHAU VÌ HÒA BÌNH BỀN VỮNG

Theo quan điểm của Phật giáo, xung đột tồn tại giữa những những chúng sinh không được giáo dục ở bất kể địa vị và vị trí xã hội nào. Những chúng sinh không được giáo huấn luôn luôn nhận thức và thu nhận vào và từ những con số cứng nhắc của sự giàu có cá nhân, sau đó họ coi chúng là những phần vĩnh cửu, độc lập và đáng kể của ‘tôi’ hoặc “cái tôi” trong họ. Chữ “tôi” rất cuộc đã thúc đẩy họ đạt được sự hài lòng về mặt cảm giác như danh vọng và vận may như những phần đoạn “cái tôi” của họ. Với sự vô minh của con người (*avijjā*), với tâm phiền phiền não họ bị dẫn lối để nhìn thấy mọi cơ hội có thể mở rộng và phát triển chính trị là một cách tiếp cận thực tế nhưng không có điểm ngừng để mong muốn tự bảo vệ mình. Đáng tiếc, tất cả những điều này với bản chất không hoàn hảo và giới hạn không thể mang lại cho chúng ta cảm giác bình yên và hạnh phúc đích thực nhưng sự ràng buộc vô tận của đau khổ bắt nguồn từ tình trạng tạm thời và sự tồn tại không an toàn của những khổ đau này. Tuy nhiên, trong sự tồn tại của thế giới này, làm thế nào để chúng ta cùng nhau duy trì hòa bình bền vững? Bây giờ chúng ta thảo luận với một số nguồn văn bản hỗ trợ của Pāli.

Trong thế giới hiện sinh hỗ trợ lẫn nhau thì nhân dân được dẫn dắt bởi các nhà lãnh đạo, cả trong chính phủ và ngoài chính phủ. Các văn bản Phật giáo từ lâu đã được liên hệ đến việc lãnh đạo vì các nhà lãnh đạo luôn tồn tại trong bối cảnh cộng đồng. Do đó, *saṅgha* (cộng đồng) đã được kết nối, từ những ngày đầu tiên của nó, với các loại lãnh đạo khác nhau mà Phật giáo chạm tới, từ *sagha* đến các hộ gia đình và làng mạc và rõ ràng là ở cấp chính phủ. Các hướng dẫn hoặc công bố về xã hội, chính trị và kinh tế được tìm thấy trong một số kinh điển Phật giáo sơ khai bao gồm *Mahāmaṃsa Jātaka* (534). Theo *Mahāmaṃsa Jātaka*, một nhà lãnh đạo nên có trách nhiệm, trung thực và sẵn sàng hy sinh khi cần thiết. Những phẩm chất này được mô tả thêm là mười giới, còn được gọi là “mười đức hạnh giải thoát của một tu sĩ Phật giáo” (*dasa-rājadhamma*): rộng lượng, đạo đức, tự hy sinh, trung thực, nhẹ nhàng, tự chủ; không tức giận, không bạo lực, nhẫn nhục và ngay thẳng (*dānaṃ sīlaṃ pariccāgaṃ, ajjavaṃ maddavaṃ tapāṃ, akkodhaṃ avihimsaṃ, khantiṃ, aavirodhanaṃ*) (The

Mahāhaṃsa Jātaka, 176).

Quản trị tốt tài năng và lý tưởng của con người hướng đến được mục tiêu quốc gia, phát triển bền vững và công bằng xã hội. Một khía cạnh của quản trị tốt được nhìn nhận là sự quản lý đúng đắn nguồn lực kinh tế và xã hội của một quốc gia để phát triển. Một nhà lãnh đạo có đạo đức cũng là một ví dụ cho mọi người, người ta có thể thấy cách sống của họ có thể tạo ra sự khác biệt trong cuộc sống hàng ngày của chính họ. Trong bài kinh *Cakkavatti Sihanāda* của DN, Đức Phật đã dạy về sự bất bình đẳng về kinh tế làm tạo ra khoảng cách giàu nghèo. Bài kinh xác định vấn đề cơ bản của một nhà nước là việc đảm bảo sinh kế, cần được giải quyết trước khi tất cả các vấn đề tiếp theo có thể được giải quyết. Có một câu chuyện về một tên trộm đã bị bắt và đưa đến trước nhà vua. Tên trộm giải thích rằng anh ta chỉ đơn giản là đánh cắp tài sản của người khác vì anh ta nghèo. Vì vậy, nhà vua đã cho anh ta một số tiền và yêu cầu anh ta bắt đầu kinh doanh. Sau đó, những người khác quyết định đánh cắp những thứ khác đó để nhận được sự đối xử tương tự từ nhà vua. Tuy nhiên lần này nhà vua ra lệnh xử tử những tên trộm. Do đó, người lãnh đạo phải có khả năng nhận ra sự khác biệt giữa ý định và kết quả có thể lường trước của những ý định đó. Đức Phật đã giải thích đạo đức của câu chuyện này:

Như vậy, các tỳ kheo! Từ việc không trao tài sản cho người nghèo, nghèo đói gia tăng từ sự lười biếng, tội phạm trộm cắp ngày càng tăng, từ sự gia tăng của trộm cắp dẫn đến việc sử dụng vũ khí gia tăng, từ việc sử dụng vũ khí ngày càng tăng thì xã hội càng bất dẫn đến tuổi thọ và cơ hội của mọi người giảm (DN III 68).¹

Chính trị trên toàn thế giới đang bị khủng hoảng và bất ổn định bởi các lực lượng vượt ra ngoài tầm kiểm soát của các nhà lãnh đạo quốc gia. Đức hạnh tốt và có tầm nhìn chiến lược có thể đóng vai trò là yếu tố quyết định trong tất cả các lĩnh vực mà mọi người quan tâm. Là người đứng đầu một cộng đồng hoặc một quốc gia, những

1 *iti kho bhikkhave adhanānaṃ dhane ananuppadiyamāne dāḷiddiyaṃ vepullamagamāsi. Dāḷiddiye vepullaṃ gate adinnādānaṃ vepullamagamāsi, adinnādāne vepullaṃ gate satthaṃ vepullamagamāsi. Satthe vepullaṃ gate pāṇātipāto vepullamagamāsi. Pāṇātipāte vepullaṃ gate tesam sattānaṃ āyu pi parihāyi, vaṇṇo pi parihāyi.*

lý tưởng truyền giúp cho mọi người dân sống hạnh phúc và khỏe mạnh. Do đó hòa bình bền vững của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào các hành động được thực hiện bởi nhà lãnh đạo và nhà lãnh đạo phải dựa vào đức hạnh. Phong trào quốc gia cũng cần phải đảm bảo cho người dân những nhu cầu cơ bản về thức ăn, chỗ ở và đồ mặc. Bài kinh *Kuṭadanta* của DN đề cập đến một vị vua là *Mahāvijita*, người muốn tổ chức một lễ hiến tế với quy mô lớn để cầu mong sự an lạc và lợi ích cho từng cá nhân. Tuy nhiên quan thượng thư ngăn cản và nói rằng nếu có thuế trong vương quốc đó sẽ là điều sai trái. Thay vào đó, quan thượng thư đưa ra một giải pháp rằng trong vương quốc đang tham gia trồng trọt và chăn nuôi gia súc, nên phân phối ngũ cốc và thức ăn gia súc. Trong thương mại là cung cấp vốn, và phục vụ chính phủ thì được trả mức lương đủ sống. Nhà vua đã làm theo ba chỉ dẫn này và ban cho người dân những thứ cần thiết và phù hợp với từng người. Kết quả là mọi người đều hạnh phúc và sống trong niềm vui (DN I 135-36). Trong bài kinh này, Đức Phật đã nhận ra những vấn đề kinh tế lớn của đất nước và Ngài đã đề xuất các biện pháp tức thời. Theo bài kinh, gốc rễ của mọi vấn đề ở bất kỳ quốc gia nào là vấn đề sản xuất và phân phối thực phẩm. Trước tiên, nhà nước nên cung cấp thực phẩm cho người dân thông qua việc tổ chức trồng trọt, sau đó cung cấp vốn cho thương nhân và mức lương hợp lý cho công chức chính phủ. Do đó, chúng ta có thể nói rằng các khái niệm kinh tế được thảo luận trong giáo lý của Đức Phật không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn. Thay vào đó Đức Phật đưa ra một cách tiếp cận tiến bộ đối với giải pháp cho sự nghèo đói của con người. Trong bối cảnh ngày nay, khi bất bình đẳng toàn cầu một lần nữa đang gia tăng, giáo lý của Đức Phật vẫn rất phù hợp cho hòa bình bền vững.

Vì rằng chúng ta đang trải nghiệm các trạng thái tinh thần, đó cũng là một phần hệ quả của các nhu cầu xã hội ngày càng tăng. Việc thách thức truyền thống Phật giáo là bỏ qua các vấn đề xã hội và khuyến khích từ bỏ thay vì tăng cường là không hợp lý, đặc biệt là những mâu thuẫn tồn tại giữa hai tầng này bị phụ thuộc lẫn nhau trong xã hội Phật giáo. Hơn nữa, mặc dù mục tiêu tối thượng của Phật giáo là luôn giải thoát khỏi *samsāra* (luân hồi), chúng ta không bao giờ nên loại trừ những nỗ lực của Phật pháp là làm cho

các nẻo luân hồi bớt khổ đau và giải quyết các vấn đề xã hội thực tế vì Đức Phật nhấn mạnh rằng bản thân luôn là nơi nương tựa của chính mình (*attā hi attano nātho* (The Dhammapada - 380), tự lực là giải pháp tinh thần tốt nhất để giải quyết mọi vấn đề của con người.

Mọi người luôn hành động theo cách mở đường cho các cuộc xung đột mặc dù tất cả họ đều thích sống trong hòa bình. Tuy nhiên, họ không bao giờ bị định đoạt bởi số phận phải sống trong những xung đột bất tận hoặc đau khổ đến từ một gốc rễ. Cả sự cứu rỗi cá nhân và khủng hoảng xã hội đều có thể được hòa giải thông qua việc trau dồi những hiểu biết phù hợp và áp dụng các phương pháp tích cực trong Phật giáo. Hiện nay, nhu cầu cấp thiết nhất của chúng ta không chỉ đơn giản là không có chiến tranh và xung đột mà hơn thế là việc tạo ra các giá trị cá nhân khẳng định cuộc sống, nâng tầm cuộc sống và tiến đến một xã phát triển, văn minh. Các nhà lãnh đạo chính trị có thể đạt được hòa bình bên trong khi tâm của họ không có những suy nghĩ nhiễu loạn và những cảm xúc áp bức như giải trừ quân bị nội bộ, và từ đó xây dựng nền tảng cho hòa bình bên ngoài như cộng đồng và thế giới. Rốt cuộc, đó là quá trình tự phát triển liên tục và có hệ thống để biến đổi một cá nhân từ bản thể của mình thành một loạt các nhân vật quan trọng.

5. KẾT LUẬN

Để giảm thiểu xung đột, Phật giáo khuyến khích lòng từ bi (*metta*) luôn hiển hiện khi mọi người thể hiện sự quan tâm vô tận và vô tư nhưng không phân biệt đối xử và bất hạnh. Ngày nay, chúng ta chứng kiến những kẻ khủng bố luôn đánh bom nhiều quốc gia gây ra những tổn thất nặng nề, nhưng dù sao chính phủ cũng nên kiểm chế chiến tranh tàn khốc cho dù năng lực của họ thế nào. Tương tự như cách Đức Phật tha thứ khi bị *Devadatta*, một tu sĩ và anh em họ của Đức Phật liên tục đã kích và chống phá, điều này tránh cho họ khỏi việc duy trì và gây ra thêm sự tàn phá và bạo lực nhiều hơn trong một chu kỳ báo thù bất tận, đặc biệt là chỉ có tình yêu và sự kháng cự nên có thể chấm dứt thù hận trên toàn thế giới.

Một phẩm chất khác là lòng trắc ẩn (*karuṇā*) luôn được biểu lộ vào những thời điểm không vui hoặc đau khổ. Tất cả các nhà lãnh đạo sẽ cần phải học cách điều hành hệ thống quản lý nhà nước như

được phản ánh trong *Kūṭadanta Sutta*. Lời khuyên quý giá dành cho Vua *Mahāvijita* với nguồn lực dồi dào do *Brahman Kūṭadanta* đề xuất là hạnh phúc của người dân trong nước có thể đạt được thông qua việc mang lại cho họ phúc lợi như thức ăn cho nông dân và vốn cho thương nhân để đảm bảo nhu cầu cơ bản của họ, đặc biệt là khi nghèo đói là một trong những lý do chính của xung đột chính trị. Tất cả những khác biệt về ý thức hệ nên tạm thời gác lại khi chủ quyền quốc gia và sự ổn định xã hội không bao giờ nên là lá chắn hoặc lý do để nhắm mắt làm ngơ. Điều này lặp lại với sự nhấn mạnh của Đức Phật về việc vượt xa tinh thần của tinh thân gia đình đến tình thương toàn cầu. Khi nói về niềm vui cảm thông (*Muditā*), con người phải luôn chia sẻ cả niềm vui thay vì luôn ghen tị đối với nỗ lực, danh tiếng và thành công của người khác. Thông thường các nhà lãnh đạo của chế độ độc tài âm mưu chống lại những tổng thống được bầu phổ biến trong các nền dân chủ vì họ hiểu rằng các nguyên trạng hiện tại của họ chỉ có thể được duy trì trong một hệ thống được thao túng tốt. Thay vì chối bỏ nỗ lực và tài năng của họ, họ nên và luôn đánh giá cao và thậm chí học hỏi từ những điểm mạnh của họ.

Cuối cùng, sự thanh thản (*upekkha*) là điều không thường hằng đáng kinh ngạc trong thế giới đương đại. Mặc dù tính cách trung lập như vậy thường phổ biến trong số những vị A-la-hán hoàn toàn buông bỏ hoặc loại bỏ tất cả các yếu tố bất thiện, người ta vẫn có thể áp dụng cho hành vi thông thường của con người chúng ta như một sự đối nghịch trực tiếp với định kiến và phân biệt đối xử. Thay vì nhấn mạnh sự khác biệt đặc biệt, các nhà lãnh đạo nên rút ra những điểm tương đồng như mối quan hệ họ hàng với sự tin tưởng, tôn trọng và công nhận, thúc giục họ phải hướng về phía trước và kết nối với tất cả các yếu tố phổ quát thâm sâu trong cuộc sống. Xây dựng trên nền tảng mối quan hệ tương hỗ, tất cả con người trong thực tế luôn luôn giống như chính họ hơn là không giống nhau, ngụ ý rằng tất cả các cá nhân luôn được trao quyền bình đẳng. Trong khi đó, điều này củng cố các yêu sách trong cả *Mahāpadāna Sutta* và *Cakkavattisihanāda Sutta* khi đó là trách nhiệm thiết yếu của các quy tắc nhằm bảo vệ công lý với sự quan tâm và bảo vệ đối với tất cả những người thiểu số bị thiệt thòi. Do các nhà lãnh đạo quốc gia luôn là đại diện của công chúng nói chung, Đức Phật đưa ra một

phương tiện truyền thông rằng các trách nhiệm và cam kết đạo đức của nhà lãnh đạo có ảnh hưởng đến các định hướng và tiêu chuẩn toàn diện của các xã hội tương ứng không thể phủ nhận, trong đó có công chúng. Điều này cho thấy các nhà lãnh đạo - công dân đang hợp tác với các lợi ích phục vụ lẫn nhau luôn nổi bật để duy trì hòa bình bền vững. Tôi nhấn mạnh những gì giáo lý Phật giáo có thể cho chúng ta biết về nguồn gốc của xung đột:

Những lời nói xấu đổ lỗi cho người khác,

Những lời ngạo mạn làm nhục người khác.

Từ những hành vi này, chuốc hận thù và oán giận....

Do đó mâu thuẫn nảy sinh, tâm người luôn độc hại.

(*The Dhammapada*, T 4:210) (Quoted in Yeh, 2006).

Và làm thế nào Phật pháp có thể giúp dập tắt xung đột như vậy.
Người sống trong lòng trắc ẩn sẽ không có ý định xung đột;

Người sống tốt bụng sẽ luôn hành động phù hợp nhất.

(*The Dhammapada*, T 4:210) (Quoted in Yeh, 2006).

